

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế về công tác
thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 5 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu Huân chương, Huy chương, Huy hiệu, Kỷ niệm chương, mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua, quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều

của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ Nội vụ Bãi bỏ khoản 7, Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2355/TTr-SNV ngày 16 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 01 năm 2021 và thay thế Quyết định số 87/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, Mặt trận, Đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các Doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thi đua -Khen thưởng Trung ương;
- TT. Tỉnh uỷ, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh uỷ;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở ban ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;
- Các Doanh nghiệp cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Lưu: VT, TH.

(Đính kèm Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2021/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định: nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng.

Việc xét tặng các danh hiệu, các hình thức vinh danh khác của tỉnh có sau Quy định này sẽ có hướng dẫn riêng. Các nội dung không quy định tại văn bản này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Nhà nước; các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế; hộ gia đình và mọi công dân trong tỉnh, ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài đều có quyền tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, đạt được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có những đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được khen thưởng theo quy chế này.

Điều 3. Quy định chung và nguyên tắc khen thưởng

1. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước việc đánh giá, công nhận thành tích và đề nghị cấp trên khen thưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng, có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trên phương tiện thông tin thuộc thẩm quyền quản lý: Cổng thông tin điện tử, Báo, Đài của tỉnh trước khi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét khen

thường. Việc lấy ý kiến của nhân dân, trên phương tiện thông tin và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Hình thức, mức hạng khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được. Quan tâm khen thưởng tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số, biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác.

4. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Trong báo cáo phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cấp có thẩm quyền; số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích: Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng tính đến thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ trước 06 tháng.

5. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

6. Thời gian xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành giáo dục đào tạo như: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố được xét sau khi kết thúc năm học.

7. Khi khen thưởng cho tập thể, cá nhân không thuộc đối tượng quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ khen thưởng các hình thức thuộc thẩm quyền, không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước. Đối với khen thưởng theo chuyên đề thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Thông tư số 12/2019/TT-BNV.

8. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

9. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

10. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

11. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn tặng hình thức, mức hạng nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng hình thức, mức hạng đó, không đề nghị khen thưởng vượt mức hạng. Đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đợt

xuất thì người đứng đầu sở, ban, ngành, cấp huyện khen thưởng theo thẩm quyền, trường hợp thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh thì đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

12. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian bị kỷ luật hoặc cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật, hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, hoặc các cơ quan báo chí đăng tin bài phản ánh dấu hiệu vi phạm đang được xác minh làm rõ.

13. Không đề nghị Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể hoặc cá nhân khi tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn. Trừ những trường hợp Bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có Kế hoạch hoặc có ý kiến thống nhất khen thưởng bằng văn bản (do đơn vị, địa phương xin ý kiến).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88, Điều 89, Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 76, 77, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 5. Xử lý vi phạm, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Hành vi vi phạm, hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng và hành vi vi phạm, hình thức xử lý đối với người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng thực hiện theo Luật Tố tụng hành chính và Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo.

Chương II TỔ CHỨC THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1 HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Điều 4 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Điều 5, Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo; Tổ chức, kiểm tra, khen thưởng phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

a) Tổ chức phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

b) Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điềm, hướng dẫn, kiểm tra đối với phong trào thi đua có thời gian dài; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Sơ kết, tổng kết khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

c) Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan công khai bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính

quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua, chủ động phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội khác trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

5. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng, thường xuyên tuyên truyền chủ trương của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 2

HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT SÁNG KIẾN VÀ HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 9. Sáng kiến

1. Sáng kiến bao gồm: giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đề tài nghiên cứu khoa học; sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu để làm căn cứ để xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng.

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm: Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật đã được ứng dụng vào thực tiễn nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và hiệu suất công tác... được cấp có thẩm quyền công nhận đã được nghiệm thu, áp dụng mang lại hiệu quả thiết thực.

Giải pháp kỹ thuật: là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ hoặc một vấn đề xác định mà việc ứng dụng nó tạo ra. Bao gồm quy trình hoặc sản phẩm dưới dạng vật thể, chất, vật liệu sinh học, giống cây trồng, vật nuôi... hoặc quy trình công nghệ, quy trình chuẩn đoán giúp chữa bệnh hiệu quả cho người, vật nuôi và cây trồng...

Giải pháp quản lý: là những sáng tạo trong điều hành công việc, xây dựng mới về cách thức, phương pháp tổ chức, kiểm tra, giám sát công việc hoặc trong việc xây dựng cơ chế chính sách, chương trình, kế hoạch hoạt động, hoặc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước thông qua việc cải cách hành chính được áp dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả trong hoạt động quản lý ở các cơ quan, đơn vị và tổ chức.

Giải pháp tác nghiệp: là phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao ở tất cả các lĩnh vực, như

phương pháp thực hiện cải tiến thủ tục hành chính; phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá; phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện...

Giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật: là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao so với trước.

2. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

3. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

4. Phạm vi ảnh hưởng: căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp bộ, ban, ngành, tỉnh thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh”; phạm vi ảnh hưởng toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

5. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức theo quy định.

Điều 10. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến các cấp

1. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở:

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến phương pháp công tác, giải pháp hữu ích, ứng dụng công nghệ mới (gọi tắt là Hội đồng Xét duyệt sáng kiến). Hội đồng Xét duyệt sáng kiến công nhận sáng kiến bằng Giấy chứng nhận sáng kiến theo mẫu tại phụ lục III, Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở được thành lập để xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu cấp cơ sở hàng năm và để xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở. Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập.

Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp huyện, sở, ngành và tương đương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng sở, ngành và tương đương quyết định thành lập, xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu cấp huyện, sở, ngành và tương đương để làm cơ sở xét sáng kiến cấp mình và xét đề nghị sáng kiến cấp tỉnh.

2. Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh: xét duyệt về phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả; công nhận sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh để công nhận sáng kiến cấp tỉnh, làm cơ sở xét đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và xét khen thưởng cấp Nhà nước.

3. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan Thường trực của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh; chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) tổ chức xét duyệt sáng kiến cấp tỉnh hàng năm.

Điều 11. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương, đơn vị (các cấp):

Do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho cấp ủy Đảng, thủ trưởng các ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương về công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức phát động các phong trào thi đua; theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định, tổ chức tuyên truyền xây dựng điển hình, nhân rộng, phát huy tác dụng và giữ vững điển hình tiên tiến. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tình hình thực tiễn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định số lượng thành viên Hội đồng; trong đó Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng hoặc cán bộ phụ trách thi đua khen thưởng, đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn; các thành viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể; cán bộ, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và phòng ban chuyên môn.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ

tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền và thực hiện chính sách khen thưởng.

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phong tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

3. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ vào kết quả xét duyệt sáng kiến của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến, làm cơ sở xét đề nghị danh hiệu và xét khen thưởng.

Mục 3

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 12. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Thi đua, Khen thưởng, tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 15. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét công nhận hàng năm vào thời điểm kết thúc năm và được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối tượng được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Đơn vị trực thuộc công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh... và các tập thể trực thuộc như phòng, phân xưởng;

b) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

c) Đối với cấp huyện: Xét tặng đối với các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp: Xét tặng đối với các đơn vị trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng...

đ) Các phòng, trạm, trại, đội và các đơn vị trực thuộc các chi cục, trung tâm và tương đương; các tổ, khối chuyên môn thuộc các trường học trong ngành giáo dục và đào tạo.

Điều 17. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và đạt tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” xét tặng cho tập thể cán bộ - chiến sĩ Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí lực lượng công an chính quy), Bảo vệ dân phố thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công an.

3. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” do tỉnh quy định căn cứ vào thực tiễn quy định, theo nguyên tắc sau:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, đội...

b) Đối với cấp tỉnh gồm: phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan đảng cấp tỉnh và tương đương.

c) Đối với cấp huyện gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: các đơn vị trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng...

Điều 18. Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc”, “Doanh nhân xuất sắc”

Đây là hình thức vinh danh doanh nghiệp, doanh nhân của tỉnh được thực hiện theo quy định riêng.

Điều 19. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho các đơn vị, địa phương đạt tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Đối tượng: là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất, dẫn đầu Cụm, Khối thi đua, được công nhận thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các Cụm, Khối thi đua.

3. Cờ thi đua của tỉnh chỉ xét tặng cho các tập thể thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị khi tham gia hoạt động tổ chức Cụm, Khối thi đua.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh không ban hành Quyết định tặng Cờ thi đua cấp tỉnh đối với tập thể đủ tiêu chuẩn đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 20. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho các tập thể sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn cờ thi đua cấp tỉnh.

b) Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

2. “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;

b) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của tỉnh;

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

3. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng cờ thi đua cấp tỉnh.

Điều 21. Thẩm quyền quyết định công nhận các danh hiệu thi đua

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; xét trình Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

3. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp sở, ban, ngành và cấp huyện do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng xét, trình giám đốc sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

b) Người lao động, tập thể người lao động làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài; hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại...do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã trực tiếp quản lý xem xét, quyết định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 22. Các loại hình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Riêng loại hình khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc sẽ thực hiện việc khen thưởng đối với các trường hợp cụ thể như sau:

1. Gương người tốt việc tốt tiêu biểu toàn tỉnh;
2. Đóng góp lớn cho hoạt động xã hội từ thiện;
3. Đạt giải cao trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn;

4. Lập chiến công lớn trong chiến đấu, có thành tích xuất sắc trong phục vụ chiến đấu;

5. Giúp các địa phương khắc phục thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn... có hiệu quả.

Điều 23. Điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng

1. Tiêu chuẩn khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và đảm bảo áp dụng phù hợp với từng mức hạng, từng loại thành tích tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương xứng với mức độ công lao đóng góp, công hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải theo từng tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

2. Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn) của tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị đề đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đã đạt được.

3. Những tập thể không thuộc đối tượng xét tặng cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” khi xem xét đề nghị tặng thưởng Huân chương (quy định tại các Khoản 18, 19, 20, 21, 22 và 23 Điều 1, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013) và “Bằng khen Thủ tướng Chính phủ” (quy định tại Khoản 38 Điều 1, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013), thì được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, cụ thể là: trong khoảng thời gian xét khen thưởng, hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 (hai phần ba) trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 24. Giấy khen

1. Đối tượng được tặng Giấy khen là tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất; đạt thành tích xuất sắc được bình xét trong các đợt thi đua (hoặc chuyên đề) và tổng kết năm công tác.

2. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân: hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đối với tập thể: hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể.

c) Đối với hộ gia đình: gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đóng góp rất lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Việc khen thưởng bằng hình thức Giấy khen đối với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức khác được quy định như sau:

a) Đối với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do cơ quan Trung ương của các tổ chức này quy định;

b) Đối với cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

c) Đối với các tổ chức khác do Chính phủ quy định.

5. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định tặng thưởng Giấy khen.

Điều 25. Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực trong tỉnh;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

3. Khen thưởng các chương trình công tác: tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chỉ thị, nghị quyết... của Đảng, Nhà nước, đồng thời phải có ý kiến bằng văn bản của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương khen thưởng.

4. Khen thưởng hoạt động xã hội từ thiện

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản (quy đổi ra tiền) cho địa phương, xã hội, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn như sau:

- Đối với tập thể (hoặc hộ gia đình) có đóng góp từ 120 triệu đồng trở lên, đối với cá nhân từ 80 triệu đồng trở lên. Đối với Doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp số tiền đóng góp tương ứng là 200 và 150 triệu đồng trở lên. Trường hợp trong năm đã được tặng Bằng khen thì lần sau đóng góp phải cao hơn lần trước (ít nhất 20%);

- Đối với thành tích vận động, đóng góp ngày công lao động sẽ được xem xét từng trường hợp cụ thể (theo quy đổi giá trị ngày công ra tiền công).

b) Tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân đóng góp cho địa phương nào thì địa phương đó khen thưởng. Địa phương lập danh sách, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen khi tập thể (hoặc hộ gia đình), cá nhân đạt các yêu cầu quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

5. Khen thưởng hội thi, hội diễn, kỳ thi:

a) Đạt giải nhất, nhì, ba toàn quốc;

b) Đạt giải nhất, nhì khu vực;

c) Đạt giải nhất, nhì toàn tỉnh.

Nếu trong hội thi, hội diễn, kỳ thi đã quy định mức tiền thưởng từ kinh phí được duyệt (hoặc kinh phí xã hội hóa) cao hơn mức thưởng Bằng khen của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì chỉ được tặng Bằng khen, kèm tiền thưởng của Ban Tổ chức hội thi, hội diễn, kỳ thi.

Khi mức tiền thưởng từ kinh phí được duyệt của hội thi, hội diễn, kỳ thi thấp hơn mức thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì được tặng Bằng khen, kèm tiền thưởng theo quy định.

Điều 26. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ Thực hiện theo quy định tại Điều 38, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 27. Huân chương Lao động hạng ba

Thực hiện theo quy định tại Điều 24, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 28. Huân chương Lao động hạng nhì

Thực hiện theo quy định tại Điều 23, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 29. Huân chương Lao động hạng nhất

Thực hiện theo quy định tại Điều 22, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 30. Khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo; khen thưởng doanh nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Điều 10, Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Chương IV
THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 31. Tuyển trình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 46, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ:

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm xét khen thưởng, lập hồ sơ trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các đối tượng điển hình thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, phát động thi đua theo chuyên đề, thi đua theo đợt; chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của cấp mình. Trường hợp thành tích xuất sắc, tiêu biểu có tác dụng đối với toàn tỉnh thì

mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen; sơ kết, tổng kết 05 năm trở lên có tác dụng đối với toàn quốc thì đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua, Bằng khen hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương.

3. Một số trường hợp khác thực hiện như sau:

a) Cụm, Khối trưởng trình khen thưởng cho thành viên được Cụm, Khối bình chọn.

b) Người Việt Nam định cư, làm việc, học tập ở nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức nước ngoài có thành tích đóng góp cho tỉnh do sở, ban, ngành, cơ quan đã trực tiếp làm việc trao đổi thống nhất với các ngành có liên quan và trình khen thưởng.

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc.

d) Liên đoàn Lao động cấp huyện, Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức cấp tỉnh; Công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất; ... Công đoàn cơ sở và cán bộ Công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách Công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên do Tổng Liên đoàn Lao động xét khen và trình khen.

đ) Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc địa phương, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

e) Đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh thực hiện theo nguyên tắc cấp nào quyết định thành lập, quyết định cổ phần hoá thì cấp đó quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

g) Đối với công ty liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài, trụ sở công ty, doanh nghiệp đóng tại địa phương nào, Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương đó trình khen thưởng.

Điều 32. Quy định về thủ tục hồ sơ

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ;

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành tại các Quyết định công bố bộ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thi đua, khen thưởng của Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 33. Tỷ lệ phiếu bầu xét khen thưởng

Tập thể, cá nhân chỉ được khen thưởng, trình khen thưởng khi có số phiếu bầu chọn của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đạt tỷ lệ:

1. Từ 90% phiếu bầu trở lên đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động” và “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”;

2. Riêng “Cờ thi đua Chính phủ”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” khi bình xét phải đạt số phiếu quá bán (trên 50%) so với tổng số phiếu bầu và lấy từ cao xuống thấp theo đúng tỷ lệ quy định;

3. Từ 85% phiếu bầu trở lên đối với Huân chương các loại, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”;

4. Từ 80% trở lên đối với “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

5. Từ 75% trở lên đối với “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”, huy hiệu “Vì sự nghiệp Xây dựng và phát triển tỉnh An Giang”, danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” và danh hiệu “Doanh nhân xuất sắc”;

6. Từ 70% trở lên đối với “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 34. Hiệp y khen thưởng

1. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thêm thông tin của các cơ quan liên quan để có thêm căn cứ trước khi trình quyết định khen thưởng.

2. Đối tượng hiệp y là tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và cá nhân là cấp trưởng của đơn vị cùng cấp phải lấy ý kiến của ngành cấp tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng lấy ý kiến hiệp y gồm: “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”; Huân chương các loại; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; danh hiệu “Anh hùng Lao động”; danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

Điều 35. Hồ sơ hiệp y khen thưởng

Hồ sơ đề nghị hiệp y gồm:

a) Công văn đề nghị hiệp y khen thưởng của thủ trưởng cơ quan;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng (có xác nhận, ký tên và đóng dấu của thủ trưởng cơ quan);

c) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng;

d) Thời gian thực hiện: theo quy định tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang.

Điều 36. Xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp Nhà nước xét khen thưởng

1. Đối tượng xin ý kiến là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

2. Các hình thức khen thưởng phải xin ý kiến: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (các hạng), danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

Điều 37. Thời hạn trình hồ sơ khen thưởng

1. Thời hạn trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng:

a) Khen thưởng thành tích đột xuất, chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm: các ngày làm việc trong năm.

b) Khen thưởng tổng kết năm:

Khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc” về thành tích thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội: trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

Khen thưởng thành tích năm học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và các tập thể thuộc ngành giáo dục và đào tạo thực hiện sau khi kết thúc năm học: trước 15 tháng 7 hàng năm.

c) Khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề: sau khi kết thúc chuyên đề theo kế hoạch được duyệt.

2. Thời hạn trình hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Đề nghị Danh hiệu Anh hùng thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 56, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đề nghị Cờ thi đua của Chính phủ: Về thành tích thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trước ngày 15 tháng 02, hệ thống giáo dục đào tạo trước ngày 15 tháng 8.

c) Đề nghị Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại về thành tích thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, khen thưởng quá trình cống hiến: trước ngày 15 tháng 4 hàng năm.

d) Đề nghị phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” (kể cả ngành giáo dục và đào tạo); đề nghị Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại đối với ngành giáo dục và đào tạo, Huân chương “Đại đoàn kết dân tộc”, khen thưởng quá trình cống hiến: trước 30 tháng 7 hàng năm.

Điều 38. Thời gian thẩm định hồ sơ và xét khen thưởng

Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ khen thưởng sau đây:

1. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang

2. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, khen thưởng cấp Nhà nước thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét duyệt theo trình tự thời gian như sau:

a) Đợt 1:

Trong tháng 01 (vào năm Đại hội Thi đua toàn quốc): Thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng vào tháng 01 và trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương vào tháng 02.

Trong tháng 02: Thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét “Cờ thi đua Chính phủ”; trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương vào tháng 3.

b) Đợt 2:

Trong tháng 4: Thông qua Hội đồng Thi đua - khen thưởng tỉnh kết quả công nhận sáng kiến cấp tỉnh để xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”;

Trong tháng 5: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, Huân chương các loại về kinh tế - xã hội, khen thưởng quá trình cống hiến.

Trong tháng 6 trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

c) Đợt 3:

Trong tháng 8: Thông qua Hội đồng Thi đua - khen thưởng tỉnh kết quả công nhận sáng kiến cấp tỉnh để xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

Trong tháng 9: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị xét “Cờ thi đua Chính phủ”, đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, Huân chương các loại đối với ngành giáo dục và đào tạo, xét đề nghị tặng Huân chương Đại đoàn kết.

Trước 15 tháng 10 trình hồ sơ về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Điều 39. Quy định về biểu mẫu

Mỗi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn, điều kiện khác nhau, khi lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cần báo cáo đúng biểu mẫu theo phụ lục của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; đối với hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến thực hiện theo phụ lục của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Chương VI
QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG
Mục 1
LẬP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 40. Quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 64, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 41. Nguồn và mức trích quỹ

1. Quỹ thi đua khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm trong tổng chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc tỉnh và được phân bổ ngay từ đầu năm theo tỷ lệ sau:

a) Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.”

b) Quỹ thi đua khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

c) Quỹ thi đua khen thưởng của cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các huyện đồng bằng, thành phố và mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp nhà nước được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản doanh nghiệp.

4. Việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (trừ các doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này) do doanh nghiệp tự quyết định, tự chịu trách nhiệm sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề cá và trong các lĩnh vực khác được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã (mức trích do hợp tác xã quyết định) và nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước.

Điều 42. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng trong quy định này được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng) và được sử dụng để:

a) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, cờ thi đua, hộp, khung);

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; chi cho công tác thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng. Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến...

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng; còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74, của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP theo nguyên tắc:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

đ) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

3. Cá nhân, tập thể người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài, được khen thưởng về thành tích ủng hộ vật chất kinh phí sẽ không chi tiền thưởng mà thay bằng tặng phẩm lưu niệm.

Điều 43. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 67, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 2

MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

Điều 44. Nguyên tắc tính tiền thưởng

1. Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng.

2. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

Điều 45. Mức tiền thưởng

Thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 46. Các quyền lợi khác

Cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, được tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, ngoài việc được khen thưởng theo quy định này, được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 47. Việc tuyên truyền cho thi đua, khen thưởng

Các cơ quan thông tin, báo, đài thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, đưa tin về công tác thi đua, khen thưởng, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt để cổ vũ, nhân rộng phong trào. Kịp thời phát hiện, biểu dương các cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc và phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 48. Đăng ký thi đua và đăng ký xét khen thưởng hàng năm

1. Việc đăng ký thi đua mang ý nghĩa tham gia thi đua để được cấp tổ chức theo dõi đánh giá thi đua, được xét khen thưởng khi sơ kết, tổng kết. Đăng ký thi đua với cấp tổ chức thi đua bằng văn bản với nội dung phần đầu cụ thể theo tiêu chuẩn danh hiệu thi đua hoặc nội dung thi đua của cấp tổ chức thi đua đã đề ra.

2. Đối với thi đua thường xuyên, ngoài đăng ký để tham gia thi đua còn đăng ký xét khen thưởng. Mỗi tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua của năm còn có thể đủ điều kiện, đạt thành tích để được xem xét ở danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn.

Điều 49. Trách nhiệm của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm xem xét, thẩm định, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xem xét, thẩm định, đề nghị thủ trưởng cơ quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”, tặng Huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng phát triển tỉnh An Giang” cho các cá nhân, tập thể thuộc ngành, địa phương mình quản lý. Xét đề nghị khen cấp nhà nước theo thẩm quyền.

Điều 50. Lễ trao tặng

Lễ trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng, Huân chương, Huy chương, danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định quy định việc tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài; phải đảm bảo tổ chức trang trọng và tiết kiệm.

Điều 51. Mẫu bằng công nhận danh hiệu thi đua

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua.

Điều 52. Thông báo kết quả khen thưởng

1. Căn cứ khoản 3, Điều 48, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn khen thưởng và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng thông báo cho đơn vị trình khen biết.

2. Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc (kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương có văn bản gửi đến), Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phải thông báo cho đơn vị trình khen biết.

3. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, Ban Thi đua - Khen thưởng phải thông báo và trả lại toàn bộ hồ sơ cho đơn vị trình khen.

Điều 53. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

1. Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở theo quy định hiện hành để phục vụ cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu.

2. Hồ sơ Lưu trữ khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 và Thông tư số 13/2011/TT-BNV ngày 24/10/2011 của Bộ Nội vụ.

Điều 54. Hướng dẫn tổ chức, thực hiện Quy chế

1. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này và tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp cùng cấp triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này; đẩy mạnh sâu rộng các phong trào thi đua, qua đó phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc để khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo đúng quy định.

3. Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm trước ngày 30 tháng 6 và báo cáo tổng kết năm trước ngày 30 tháng 12 hàng năm về kết quả thực hiện phong trào thi đua, nêu rõ các phong trào thi đua mới đã mang lại hiệu quả; giới thiệu các điển hình tiên tiến và gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp.

Căn cứ Quy chế của Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị nghiên cứu hướng dẫn thực hiện chi tiết phù hợp với thực tế đơn vị để thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

